

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 716/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30/5/2024.

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Trường Sanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Liên

2. Bà Nguyễn Thị Tinh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa: không tham gia phiên tòa

Ngày 30 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 887/2023/ TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2023 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/4/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 104/2024/QĐST- HNGĐ ngày 03/5/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H – sinh năm: 1992 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Xã G, Huyện H, Tỉnh I.

Bị đơn: Ông Dương Duy T – sinh năm: 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: Xã G, Huyện H, Tỉnh I.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 14/8/2023, bản tự khai và các biên bản không tiến hành hòa giải được nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà Huyền và ông Dương Duy T tự nguyện tìm hiểu và tiến đến xây dựng gia đình vào năm 2013, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Trung Mỹ Tây, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 04/6/2013.

Sau khi cưới cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2018 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên gây gổ, bất đồng trong cuộc sống, vợ chồng mất lòng tin và không tôn trọng nhau nữa, vợ chồng không quan tâm chăm sóc và xây dựng gia đình với nhau, sau đó ông bà tự ngồi lại hòa giải và tiếp tục chung sống với nhau đến năm 2020 mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Huyền xin ly hôn với ông Tước.

- Về con chung: không có.
- Về tài sản chung: không có.
- Về nợ chung: không có

Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tổ chức các phiên hòa giải bà Nguyễn Thị H và ông Dương Duy T thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng ông Tước không đến Tòa nên việc hòa giải không tiến hành được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Về phía bị đơn ông Dương Duy T, Tòa án đã tổng đạt niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Tước vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Quan hệ tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị H và ông Dương Duy T là Ly hôn theo yêu cầu của một bên được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Bị đơn ông Dương Duy T cư trú tại Xã G, Huyện H, Tỉnh I nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Quyết định nói trên theo quy định của pháp luật tố tụng nhưng ông Dương Duy T không đến, phiên tòa phải hoãn và Quyết định hoãn phiên tòa cũng được tổng đạt hợp lệ cho ông Tước nhưng ông Tước vẫn không có mặt. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H có đơn xin vắng mặt. Do vậy Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật: Hội đồng xét xử nhận thấy bà Nguyễn Thị H và ông Dương Duy T tự nguyện xây dựng gia đình từ năm 2013 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Trung Mỹ Tây, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 04/6/2013 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] Về quan hệ vợ chồng: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện bà Nguyễn Thị H và ông Dương Duy T có thời gian sống chung từ năm 2013, có đăng ký kết hôn. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh theo lời trình bày của bà Huyền là do vợ chồng sống không hợp nhau, xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng mất lòng tin và không tôn trọng nhau, vợ chồng không quan tâm chăm sóc và xây dựng gia đình với nhau, bà đã cho ông Tước nhiều cơ hội nhưng ông Tước không thay đổi. Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, Giấy triệu tập, Thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ theo quy định để tiến hành hòa giải nhằm tạo điều kiện bà Nguyễn Thị H và ông Dương Duy T trở về đoàn tụ với nhau nhưng ông Dương Duy T không đến, điều này chứng tỏ ông Tước không có thiện chí hàn gắn tình cảm

vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị H và ông Dương Duy T đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc ly hôn là cần thiết nên việc bà Nguyễn Thị H yêu cầu ly hôn với ông Dương Duy T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con chung: Nguyên đơn khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Nguyên đơn khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Nguyên đơn khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với bị đơn ông Dương Duy T, Tòa án đã tiến hành tổng đạt niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng ông Dương Duy T không đến Tòa để đưa ra ý kiến và yêu cầu của mình nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

[7] Về án phí: Bà Nguyễn Thị H chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ Luật Tố Tụng Dân Sự năm 2015;

Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị H.

Về quan hệ vợ chồng: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Dương Duy T.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Án phí DSST: Bà Nguyễn Thị H chịu là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số AA/2022/0016996 ngày 03/10/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn. Bà Huyền đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND H.HM;
- Cơ quan THADS H.HM;
- Ủy ban nhân dân phường Trung Mỹ Tây,
Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Các đương sự;
- Lưu

Lưu Trường Sanh

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND H.HM;
- Cơ quan THADS H.HM;
- Ủy ban nhân dân phường 5,
Quận 5, Tp.HCM.
- Các đương sự;
- Lưu.

